

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BA VÌ-TP. HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **99** /2022/DS-ST  
Ngày: 23 tháng 9 năm 2022  
V/v: Tranh chấp: “*Hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Dung**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông **Lê Văn Hoan**

+ Bà **Phùng Thị Vinh**

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Thúy**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tham gia phiên tòa:* Ông **Đỗ Xuân Hưng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 09 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Vì xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 06 năm 2022 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXX-DSST ngày 22 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: /2022/QĐST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

**+ Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Q**

Địa chỉ: Tầng 1, 2 Tòa nhà Sailingtower – 111A Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V, chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thành C, chức vụ: Giám đốc thu hồi nợ trực tiếp và xử lý nợ Ngân hàng VIB

Người nhận ủy quyền lại: Anh Trương Văn Q, chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP VIB; Anh Bùi Anh V, chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP VIB;

*(anh Q, anh V có mặt tại phiên tòa)*

**+ Bị đơn: Ông Trần Quý T, sinh năm 1973**

**Bà Trần Thị N, sinh năm 1975**

Cùng địa chỉ: Xóm 4, thôn PT, xã PC, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

*(anh T, chị N vắng mặt tại phiên tòa)*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 04/tháng 5 năm 2022 của Đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (viết tắt: Ngân hàng VIB) và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, anh Trương Văn Q và anh Quách Văn T đều trình bày: Do cần tiền để bổ sung vốn mua ô tô làm phương tiện đi lại, ông Trần Quý T, bà Trần Thị N đã có đơn đề nghị vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q, ngày 20/12/2019 đại diện Ngân hàng VIB ký kết với ông Trần Quý T và bà Trần Thị N Hợp đồng tín dụng số 6209961.19. Theo hợp đồng, ông T, bà N vay của Ngân hàng VIB số tiền 600.000.000đ (*Sáu trăm triệu đồng*), thời hạn vay 60 tháng, kể từ ngày 21/12/2019 đến ngày 20/12/2024. Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,9%/năm, lãi suất được điều chỉnh sau thời hạn 1 năm với biên độ 4,1%/năm. Hàng tháng ông T, bà N phải trả số tiền gốc 10.000.000đ vào ngày 20 hàng tháng cùng với lãi suất kèm theo. Cùng hợp đồng tín dụng này, ông T, bà N đã làm đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng ký ngày 25/12/2019, Hạn mức tín dụng là 41.000.000đ. Để đảm bảo các khoản vay trên, ông T, bà N đã ký kết với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 406830819 ngày 20/12/2019, tài sản bảo đảm là 01 ô tô nhãn hiệu Nissan, màu đen, số khung: MNTJCAD23Z0007727, số máy YD25850274T, Biển kiểm soát: 30G-08833. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Trần Quý T và bà Trần Thị N thường xuyên phát sinh chậm thanh toán. Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn

độc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông Trần Quý T và bà Trần Thị N, đồng thời cũng đã tạo điều kiện về thời gian cho ông T, bà N trả nợ, tuy nhiên ông T, bà N không có thiện chí trả nợ, thường xuyên bỏ đi khỏi địa phương không thông báo địa chỉ nơi ở cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng xác định ông T và bà N đã vi phạm hợp đồng tín dụng, tính đến ngày 19/8/2022, ông T, bà N đã trả nợ gốc: 50.000.000đ, trả lãi trong hạn: 23.103.617đ, trả lãi quá hạn: 310.665đ, tổng nợ đã trả: 73.414.282đ; Số dư nợ còn lại: Nợ gốc: 550.000.000đ; Nợ lãi trong hạn: 81.593.289đ, nợ lãi quá hạn: 62.771.725đ và nợ lãi quá hạn của thẻ tín dụng là: 4.547.292đ. Tổng dư nợ của ông T và bà N tại Ngân hàng là: 698.912.306đ (Sáu trăm chín mươi tám triệu, chín trăm mười hai nghìn, ba trăm linh sáu đồng). Nay Ngân hàng TMCP Q đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ba Vì giải quyết buộc ông T và bà N phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q dư nợ tính đến ngày 19/8/2022 là: 698.912.306đ (Sáu trăm chín mươi tám triệu, chín trăm mười hai nghìn, ba trăm linh sáu đồng) và toàn bộ các khoản lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi ông T và bà N tất toán toàn bộ khoản vay.

Ngân hàng TMCP Q không yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ba Vì giải quyết hợp đồng thế chấp, tài sản bảo đảm ông T và bà N đã ký kết với Ngân hàng.

Về án phí: Ông Trần Quý T và bà Trần Thị N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Đối với ông Trần Quý T, bà Trần Thị N, đã được Tòa án nhân dân huyện Ba Vì triệu tập nhiều lần để giải quyết vụ án nhưng cố tình vắng mặt không có lý do. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã về địa phương cũng như gia đình ông Trần Quý T, bà Trần Thị N để tiến hành xác minh đối với người thân của anh T, chị N. và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh và biên bản lấy lời khai ngày 07/7/2022 ông Trần Quang Chuân - Cán bộ Tư pháp xã và Ông Trần Quang C là bố đẻ của anh Trần Quý T và là bố chồng của chị Trần Thị N đều cung cấp: Vợ chồng anh T và chị N là con trai và con dâu của tôi có chung sống cùng gia đình tôi tại xóm 4, thôn PT, xã PC. Tuy

nhien từ năm 2021 do làm ăn thua lỗ nên anh T và chị N đã đi làm ăn xa, không trở về gia đình nhưng anh, chị N vẫn thường xuyên gọi điện liên lạc về gia đình tôi bằng điện thoại di động và mạng xã hội Zalo, facebook. Gia đình tôi chỉ liên lạc với anh T và chị N qua điện thoại và qua mạng xã hội nhưng không biết rõ địa chỉ hiện nay anh chị N ở đâu. Việc anh Trần Quý T và chị Trần Thị N ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Q như thế nào thì ông không được biết, anh T và chị N cũng không trao đổi hay thông báo gì cho ông C biết về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất vay của Ngân hàng VIB. anh T, chị N không dùng tiền vay để mua sắm đồ đạc, vật dụng hay sử dụng vào mục đích chung của gia đình, bản thân ông Cát cũng không được sử dụng số tiền mà anh T và chị N đã vay của Ngân hàng VIB. Nay gia đình có nhận được các giấy triệu tập của Tòa án thì ông mới biết sự việc là Ngân hàng VIB khởi kiện anh T và chị N. Ông C đã thông báo lại ngay cho anh T, chị N sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, tuy nhiên ông cũng không rõ lý do vì sao anh T và chị N không đến Tòa án để giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải tại gia đình ông Trần Quý T, bà Trần Thị N; Trụ sở Nhà văn hóa thôn PT, xã PC và tại trụ sở UBND xã PC và trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Vì nhưng anh T và chị N không đến Tòa làm việc. Vì vậy vụ án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q (VIB) vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Trần Quý T và bà Trần Thị N, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà N phải trả cho Ngân hàng TMCP Q (VIB) số tiền dư nợ tính đến ngày 22/9/2022 là: 731.397.306đ (*Bảy trăm ba một triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn, ba trăm linh sáu đồng*) trong đó: Nợ gốc: 550.000.000đ; Nợ lãi trong hạn: 110.661.561đ, nợ lãi quá hạn: 70.735.745đ và nợ lãi quá hạn của ngoài hợp đồng trên anh T và chị N đề nghị Ngân hàng phát hành 01 thẻ tín dụng hạn mức 41 000 000đ. Tuy nhiên Ngân hàng chỉ chấp nhận phát thẻ có hạn mức là 28 000 000đ. Sau khi Ngân hàng phát hành

thẻ tín dụng anh T và chị N chưa sử dụng số tiền trong hạn mức nhưng do phí phát sinh thường niên nên NH yêu cầu anh T và chị N phải thanh toán số tiền thẻ tín dụng là: 4.820.130đ. (trong đó phí thường là 897.000đ và lãi phạt phí thường niên chậm trả là 3.923.130đ) đề nghị HĐXX buộc ông T và bà N phải chịu tiếp tiền lãi toàn bộ các khoản lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi ông T, bà N tất toán toàn bộ khoản vay.

Đối với bị đơn: Ông Trần Quý T, bà Trần Thị N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng không tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa, sau khi có quyết định hoãn phiên tòa đã tổng đạt niêm yết đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng anh T và chị N vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đều thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật; Hồ sơ đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

\*Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật theo quy định tại điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án thụ lý đúng theo thẩm quyền quy định tại điều 35, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông Trần Quý T, bà Trần Thị N phải trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền: 731.397.306đ (*Bảy trăm ba một triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn, ba trăm linh sáu đồng*) trong đó: Nợ gốc: 550.000.000đ; Nợ lãi trong hạn: 110.661.561đ, nợ lãi quá hạn: 70.735.745đ và nợ lãi quá hạn của thẻ tín dụng là: 4.820.130đ (dư nợ tính đến ngày 22/9/2022) và toàn bộ các khoản lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi ông T, bà N

tất toán toàn bộ khoản vay. Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q khởi kiện yêu cầu bị đơn: ông Trần Quý T, bà Trần Thị N thanh toán tiền vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, do đó xác định đây là tranh chấp: “*Hợp đồng tín dụng*”. Bị đơn có nơi cư trú tại thôn PT, xã PC, huyện Ba Vì, Tp Hà Nội, nên theo quy định tại khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Về sự vắng mặt của bị đơn: ông Trần Quý T, bà Trần Thị N do làm ăn thua lỗ, kinh tế khó khăn, phải đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương từ cuối năm 2021 cho đến nay. Tuy nhiên ông T, bà N vẫn liên hệ với gia đình thông qua điện thoại di động, mạng xã hội Zalo. Từ khi đi khỏi địa phương, ông T, bà N cũng không thông báo địa chỉ nơi ở mới cho Ngân hàng TMCP Q biết. Ông T, bà N vắng mặt tại địa phương do đó Tòa án nhân dân huyện Ba vì trong quá trình giải quyết vụ án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng bằng việc giao cho người thân của ông T, bà N để thông báo cho ông T, bà N biết về việc Ngân hàng TMCP Q khởi kiện hợp đồng tín dụng, đồng thời đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa tại nơi cư trú của ông T, bà N, tại nhà văn hóa thôn PT, trụ sở UBND xã PC, huyện Ba vì, thành phố Hà Nội và tại trụ sở TAND huyện Ba vì, thành phố Hà Nội. Ông Trần Quý T, bà Trần Thị N vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án Ba Vì. Việc vắng mặt của ông T, bà N trong quá trình tố tụng khiến vụ án không tiến hành hòa giải được. Đến thời điểm tại

phiên tòa hôm nay ông T, bà N vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà N theo qui định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Do cần tiền để bổ sung vốn mua ô tô làm phương tiện đi lại, ông Trần Quý T, bà Trần Thị N đã có đơn đề nghị vay vốn tại Ngân hàng VIB và ngày 20/12/2019 đại diện Ngân hàng VIB ký kết với ông Trần Quý T, bà Trần Thị N Hợp đồng tín dụng số 6209961.19. Theo hợp đồng, ông T, bà N vay của Ngân hàng VIB số tiền 600.000.000đ (*Sáu trăm triệu đồng*), thời hạn vay 60 tháng tính từ ngày 21/12/2019 đến ngày 20/12/2024. Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,9%/năm, lãi suất được điều chỉnh sau thời hạn 1 năm với biên độ 4,1%/năm. Hàng tháng ông T, bà N phải trả số tiền gốc 10.000.000đ vào ngày 20 hàng tháng cùng với lãi suất kèm theo. Cùng hợp đồng tín dụng trên, ông T, bà N đã làm đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng ký ngày 25/12/2019, Hạn mức tín dụng là 41.000.000đ. Ngân hàng đã chấp nhận phát thẻ tín dụng cho anh T và chị N hạn mức 28 000 000đ. Tuy nhiên anh T và chị N chưa sử dụng đồng nào trong thẻ. Để đảm bảo các khoản vay trên, ông T, bà N đã ký kết với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 406830819 ngày 20/12/2019, tài sản bảo đảm là ô tô nhãn hiệu Nissan, màu đen, số khung: MNTJCAD23Z0007727, số máy YD25850274T, Biển kiểm soát: 30G-08833. Theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, Ngân hàng TMCP Q đã thực hiện nghĩa vụ chuyển khoản đủ số tiền 600.000.000đ vào tài khoản của ông Trần Quý T. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Trần Quý T, bà Trần Thị N thường xuyên phát sinh chậm thanh toán. Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông Trần Quý T, bà Trần Thị N, đồng thời cũng đã tạo điều kiện về thời gian cho ông T, bà N trả nợ. Tuy nhiên ông T, bà N không có thiện trí trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng được hai bên ký kết trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ép buộc. Hai bên đã thỏa thuận về phương thức thanh toán số tiền gốc và lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn theo các kỳ thanh toán, lịch trả nợ, việc giao kết theo

hợp đồng tín dụng là hợp pháp đúng trình tự và đảm bảo về mặt hình thức cũng như nội dung. Về mức lãi suất cũng đều phù hợp với qui định của pháp luật. Do vậy, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự giữa các bên, vì vậy các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận như đã cam kết như trong hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên do bị đơn không thực hiện việc đóng gốc và lãi theo định kỳ và trả nợ khi đã đến hạn của hợp đồng là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định trong hợp đồng. Việc vi phạm hợp đồng tín dụng của ông T, bà N là sự thật, ông T, bà N thường xuyên bỏ đi khỏi địa phương không thông báo địa chỉ nơi ở cho Ngân hàng, trốn tránh nghĩa vụ với Ngân hàng. Tính đến ngày 22/9/2022, ông T, bà N đã trả nợ gốc: **50.000.000đ**, trả lãi trong hạn: **23.103.617đ**, trả lãi quá hạn: **310.665đ**, tổng số tiền đã trả: **73.414.282đ**; Số dư nợ còn lại: Nợ gốc: **550.000.000đ**; Nợ lãi trong hạn: **110.661.561đ**, nợ lãi quá hạn: **70.730.745đ** và nợ lãi quá hạn của thẻ tín dụng là: **4.820.130đ**. Tổng dư nợ của ông T, bà N tại Ngân hàng là: **736.217.436đ** (*Bảy trăm ba mươi sáu triệu, hai trăm mười bảy nghìn, bốn trăm ba sáu đồng*). Nay Ngân hàng TMCP Q đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ba Vì giải quyết buộc ông T, bà N phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q dư nợ tính đến ngày 22/9/2022 toàn bộ số nợ của hai hợp đồng là: **736.217.436đ** (*Bảy trăm ba mươi sáu triệu, hai trăm mười bảy nghìn, bốn trăm ba sáu đồng*). và toàn bộ các khoản lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi ông T, bà N tất toán toàn bộ khoản vay. Do vậy cần áp dụng các Điều 463; Điều 464, Điều 465, Điều 466, Điều 467, Điều 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015 để buộc vợ chồng ông Trần Quý T và bà Trần Thị N phải có trách nhiệm và nghĩa vụ trả toàn bộ hai khoản vay trong hai hợp đồng tín dụng: HĐ số 6209961.19. ngày 21/12/2019 và HĐ thẻ tín dụng ký ngày 25/12/2019 cho Ngân hàng TMCP Q (VIB) tính đến ngày 22/9/2022 và toàn bộ các khoản lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi ông T, bà N tất toán toàn bộ khoản vay trên là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên 01 Hợp đồng thẻ tín dụng ký ngày 25/12/2019 đến nay anh T và chị N chưa sử dụng đồng nào nhưng do phát sinh phí thường niên hàng năm của ngân hàng là 299.000đ /năm của 3 năm bằng số tiền là

**897 000đ.** Do vậy cần buộc anh T và chị N phải chịu trách nhiệm khoản phí này là có căn cứ. Đối với khoản phí chậm thanh toán của thẻ tín dụng ngân hàng yêu cầu anh T và chị N phải chịu số tiền là 3 923 130đ. Do anh T và chị N chưa sử dụng nên chưa phát sinh **tiền lãi** do vậy yêu cầu khoản tiền chậm thanh toán thẻ tín dụng của ngân hàng là không có căn cứ để chấp nhận. Do vậy cần buộc anh Trần Quý Thương và chị Trần N phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q (VIB). Cụ thể khoản vay theo HĐ số 6209961.19. ngày 21/12/2019 số tiền gốc là: 550.000.000đ, tiền lãi trong hạn: 110.661.561; tiền lãi quá hạn: 70.730.745. cộng cả gốc và lãi là **731.392.306đ.** và khoản phí thường niên của HĐ thẻ tín dụng ký ngày 25/12/2019 số tiền **897 000đ.** Tổng cộng số tiền phải thanh toán là **732.289.306** (*Bảy trăm ba mươi hai triệu hai trăm tám chín nghìn ba trăm linh sáu đồng*).

Đối với việc Ngân hàng TMCP Q không yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ba Vì giải quyết hợp đồng thế chấp, tài sản bảo đảm ông T, bà N đã ký kết với Ngân hàng. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Ông Trần Quý T, bà Trần Thị N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 463; Điều 464, Điều 465, Điều 466, Điều 467, Điều 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015 Khoản 3, Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và khoản 1, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: 1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện đòi nợ tiền gốc và tiền lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q đối với ông Trần Quý T và bà Trần Thị N.

2/ Buộc ông Trần Quý T, bà Trần Thị N phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q tổng số tiền là: **732.289.306đ**  
( *Bảy trăm ba mươi hai triệu hai trăm tám chín nghìn ba trăm linh sáu đồng*).  
Trong đó: Số tiền nợ gốc là: **550.000.000đ** (*Năm trăm năm mươi triệu đồng*); Số tiền nợ lãi trong hạn: **110.661.561đ** (*một trăm mười triệu, sáu trăm sáu mươi một ngàn năm trăm sáu mươi một đồng*), Số tiền nợ lãi quá hạn: **70.730.745đ** (*Bảy mươi triệu, bảy trăm ba mươi nghìn, bảy trăm bốn mươi lăm đồng*) và số tiền nợ lãi quá hạn của thẻ tín dụng là: **897.292đ** (*Tám trăm chín mươi bảy nghìn, hai trăm chín mươi hai đồng*). (dư nợ tính đến ngày 22/9/2022).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng TMCP Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Quý T, bà Trần Thị N không tự nguyện thi hành án thì ông Trần Quý T, bà Trần Thị N còn phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

3. Án phí: Ông Trần Quý T, bà Trần Thị N phải chịu số tiền án phí: **33.291.572đ** (*Ba mươi ba triệu, hai trăm chín mươi một ngàn năm trăm bảy mươi hai đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng TMCP Q (VIB) phải nộp 300 000đ tiền án phí dân sự phần bị bác yêu cầu. Ngân hàng TMCP Q (VIB) đã nộp số tiền 16 000 000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0060273 ngày 09/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q (VIB) 15 700 000đ. (*Mười lăm triệu bảy trăm ngàn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP Q được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Trần Quý T, bà Trần Thị N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TANDTP Hà Nội
- VKS huyện Ba Vì
- THA Ba Vì
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ TẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Dung**

